

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 126/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Hương**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đại Đồng**.

Ông **Nguyễn Văn Sơn**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Vinh** – Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Lan** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 01, thôn L, xã L, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn L**, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 01, thôn L, xã L, huyện M, Thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T – Bộ Công an.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn L kết hôn tự nguyện, đăng ký hợp pháp ngày 30/9/2008 tại UBND xã L, huyện M, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm lối sống, thường xuyên lục đục, cãi vã chửi nhau, vợ chồng chung sống không mang lại hạnh phúc cho nhau. Bản thân anh L xa vào tệ nạn ma túy,

không chịu khó làm ăn, không quan T tới gia đình vợ con. Chị và gia đình đã động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không từ bỏ được ma túy. Tháng 11/2018 chị và anh L sống ly thân, vợ chồng không còn quan T, chăm sóc gì đến nhau. Chị đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Hiện nay anh L đang phải chấp hành hình phạt tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Đánh bạc tại Trại giam T – Bộ Công. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị tha thiết xin ly hôn anh Phạm Văn L để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Chị và anh Phạm Văn L có 02 con chung là cháu Phạm Quang L1, sinh ngày 19/7/2009 và cháu Phạm Thị Diệu T, sinh ngày 02/02/2014. Từ khi anh L phải đi chấp hành án đến nay, cháu L1 và T do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng chăm sóc cháu L1 và T, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 04/02/2021 anh Phạm Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh L xác nhận thời điểm đăng ký kết hôn như chị Đỗ Thị H trình bày trên là đúng sự thật. Việc kết hôn dựa trên tình thân tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã L. Anh thừa nhận do bản thân nghiện ngập nên hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm. Tuy là còn tình cảm với chị H nhưng anh muốn giải thoát cho vợ nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị Đỗ Thị H có 02 con chung là cháu Phạm Quang L1, sinh ngày 19/7/2009 và cháu Phạm Thị Diệu T, sinh ngày 02/02/2014. Sau khi ly hôn bản thân anh mong muốn con chung sống cùng mẹ để mẹ nuôi dạy.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại anh L đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T – Bộ công an, bố đẻ của anh đã mất, mẹ đẻ của anh đã già yếu, bản thân anh không có tài sản nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác nhận không có.

Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng không có kết quả do chị Đỗ Thị H tha thiết xin ly hôn.

Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M về việc giải quyết vụ án:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị H.
- Giao con chung Phạm Quang L1, sinh ngày 19/7/2009 và Phạm Thị Diệu T, sinh ngày 02/02/2014 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.
- Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị H đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết, bị đơn anh Phạm Văn L vắng mặt do đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T – Bộ công an. Tại phiên tòa anh L, chị H vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn trên cơ sở tự nguyện và đúng ý chí của họ. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh L trên cơ sở tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ, chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H xin ly hôn; anh L cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H nhưng để giải thoát cho chị H nên anh đồng ý ly hôn. Tại Biên bản xác minh ngày 09/4/2021 Ủy ban nhân dân xã L thể hiện: *...Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn L có đăng ký kết hôn số 64/2008, quyển số 01, ngày 30/9/2008 tại UBND xã L. Đời sống chung vợ chồng chị H, anh L thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ. Bản thân anh L có hành vi vi phạm pháp luật và hiện đang phải chấp hành án tù giam tại Trại giam T – Bộ Công an. Trước khi anh L có hành vi vi phạm pháp luật, địa pH đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân.* Trên cơ sở chứng cứ, tài liệu các đương sự cung cấp kết hợp với tài liệu xác minh tại địa pH đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn L có 02 con chung là cháu Phạm Quang L1, sinh ngày 19/7/2009 và cháu Phạm Thị Diệu T, sinh ngày 02/02/2014. Sau ly hôn chị H xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh L đồng ý giao cháu L1 và cháu T cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện anh đang chấp hành hình phạt tù, không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2021 cháu Phạm Quang L1 và Phạm Thị Diệu T đều có nguyện vọng xin được ở với chị H sau khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị H, anh L: Giao cháu Phạm Quang L1 và cháu Phạm Thị Diệu T cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu mới.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh L đều thừa nhận không có tài sản chung và không vay nợ ai, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 CH III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 3; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Phạm Văn L

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Quang L1, sinh ngày 19/7/2009 và Phạm Thị Diệu T, sinh ngày 02/02/2014 cho chị Đỗ Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị H tạm hoãn yêu cầu anh Phạm Văn L cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Phạm Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà giải quyết, Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3144 ngày 20/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hương